

Số: 317/TB-BVĐKCL

Cai Lậy, ngày 11 tháng 02 năm 2026

## THÔNG BÁO

### Kết quả lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để đấu giá “Các gói đấu giá bán thanh lý tài sản”

Căn cứ Thông báo số 79/TB-BVĐKCL của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy về việc lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để tổ chức đấu giá “Các gói đấu giá bán thanh lý tài sản”;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-BVĐKCL ngày 10/02/2026 của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy về việc phê duyệt Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đủ năng lực, kinh nghiệm để thuê thực hiện đấu giá “Các gói đấu giá bán thanh lý tài sản”.

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy thông báo kết quả lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để thực hiện đấu giá “Các gói đấu giá bán thanh lý tài sản” như sau:

#### I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá:

(Đính kèm danh mục tài sản bán thanh lý)

2. Giá khởi điểm:

| STT | Tên tài sản                                                                        | Giá khởi điểm (đồng) |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 1.  | Gói số 1: “Bán thanh lý Bóng phát tia X thuộc “Hệ thống máy CT Scanner 32 lát cắt” | 18.000.000           |
| 2.  | Gói số 2: “Bán thanh lý lô tài sản”                                                | 13.578.250           |

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn:

- Tên tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty Đấu giá hợp danh Đông Nam.

- Địa chỉ: Số 56 Hiền Vương, phường Phú Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

- Tổng số điểm: 93 điểm.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không có.

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không có.

## II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

| TT        | NỘI DUNG                                                                                                           | Công ty<br>Đấu giá<br>Hợp danh<br>Lam Sơn<br>Sài Gòn | Doanh<br>nghiệp<br>Đấu giá<br>Tư nhân<br>Đông Á | Công ty<br>Đấu giá<br>hợp danh<br>Đông Nam | Công ty<br>Đấu giá<br>Hợp danh<br>Gò Công | Công ty<br>Đấu giá<br>hợp danh<br>Bảo Tín<br>Trà Vinh |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                          |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 1.        | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                     | Đủ điều kiện                                         | Đủ điều kiện                                    | Đủ điều kiện                               | Đủ điều kiện                              | Đủ điều kiện                                          |
| 2.        | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                               |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| <b>II</b> | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>              | <b>18,0</b>                                          | <b>18,0</b>                                     | <b>19,0</b>                                | <b>18,0</b>                               | <b>19,0</b>                                           |
| 1.        | <i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i>                                                                     | 10,0                                                 | 10,0                                            | 10,0                                       | 10,0                                      | 10,0                                                  |
| 1.1       | <i>Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i> | 5,0                                                  | 5,0                                             | 5,0                                        | 5,0                                       | 5,0                                                   |
| 1.2       | <i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện</i>                                        | 5,0                                                  | 5,0                                             | 5,0                                        | 5,0                                       | 5,0                                                   |
| 2.        | <b>Trang thiết bị cần</b>                                                                                          | <b>5,0</b>                                           | <b>5,0</b>                                      | <b>5,0</b>                                 | <b>5,0</b>                                | <b>5,0</b>                                            |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Công ty<br>Đấu giá<br>Hợp danh<br>Lam Sơn<br>Sài Gòn | Doanh<br>nghiệp<br>Đấu giá<br>Tư nhân<br>Đông Á | Công ty<br>Đấu giá<br>hợp danh<br>Đông Nam | Công ty<br>Đấu giá<br>Hợp danh<br>Gò Công | Công ty<br>Đấu giá<br>hợp danh<br>Bảo Tín<br>Trà Vinh |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|     | <i>thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 2.1 | <i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>                                                                                                      | 2,0                                                  | 2,0                                             | 2,0                                        | 2,0                                       | 2,0                                                   |
| 2.2 | <i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>                                                                                                                                                                      | 3,0                                                  | 3,0                                             | 3,0                                        | 3,0                                       | 3,0                                                   |
| 3.  | <b><i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</i></b><br><b><i>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i></b> | 2,0                                                  | 2,0                                             | 2,0                                        | 2,0                                       | 2,0                                                   |
| 4.  | <b><i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i></b>                                                                                                                                         | 0                                                    | 0                                               | 1,0                                        | 0,0                                       | 1,0                                                   |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                            | Công ty<br>Đấu giá<br>Hợp danh<br>Lam Sơn<br>Sài Gòn | Doanh<br>nghiệp<br>Đấu giá<br>Tư nhân<br>Đông Á | Công ty<br>Đấu giá<br>hợp danh<br>Đông Nam | Công ty<br>Đấu giá<br>Hợp danh<br>Gò Công | Công ty<br>Đấu giá<br>hợp danh<br>Bảo Tín<br>Trà Vinh |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 5.  | <i>Có nơi lưu trữ hồ sơ<br/>đấu giá</i>                                                                                                                                             | 1,0                                                  | 1,0                                             | 1,0                                        | 1,0                                       | 1,0                                                   |
| III | <b>Phương án đấu giá<br/>khả thi, hiệu quả</b>                                                                                                                                      | 16,0                                                 | 16,0                                            | 16,0                                       | 16,0                                      | 16,0                                                  |
| 1.  | <i>Phương án đấu giá<br/>đề xuất được hình<br/>thức đấu giá, bước<br/>giá, số vòng đấu giá<br/>có tính khả thi và<br/>hiệu quả cao</i>                                              | 4,0                                                  | 4,0                                             | 4,0                                        | 4,0                                       | 4,0                                                   |
| 1.1 | <i>Hình thức đấu giá<br/>khả thi, hiệu quả</i>                                                                                                                                      | 2,0                                                  | 2,0                                             | 2,0                                        | 2,0                                       | 2,0                                                   |
| 1.2 | <i>Bước giá, số vòng<br/>đấu giá khả thi, hiệu<br/>quả</i>                                                                                                                          | 2,0                                                  | 2,0                                             | 2,0                                        | 2,0                                       | 2,0                                                   |
| 2.  | <i>Phương án đấu giá<br/>đề xuất việc bán, tiếp<br/>nhận hồ sơ tham gia<br/>đấu giá công khai,<br/>khả thi, thuận tiện<br/>(địa điểm, phương<br/>thức bán, tiếp nhận<br/>hồ sơ)</i> | 4,0                                                  | 4,0                                             | 4,0                                        | 4,0                                       | 4,0                                                   |
| 3.  | <i>Phương án đấu giá<br/>đề xuất được đối<br/>tượng và điều kiện<br/>tham gia đấu giá<br/>phù hợp với tài sản<br/>đấu giá</i>                                                       | 4,0                                                  | 4,0                                             | 4,0                                        | 4,0                                       | 4,0                                                   |
| 3.1 | <i>Đối tượng theo đúng<br/>quy định của pháp<br/>luật</i>                                                                                                                           | 2,0                                                  | 2,0                                             | 2,0                                        | 2,0                                       | 2,0                                                   |
| 3.2 | <i>Điều kiện tham gia<br/>đấu giá phù hợp với<br/>quy định pháp luật<br/>áp dụng đối với tài<br/>sản đấu giá</i>                                                                    | 2,0                                                  | 2,0                                             | 2,0                                        | 2,0                                       | 2,0                                                   |
| 4.  | <i>Phương án đấu giá<br/>đề xuất giải pháp</i>                                                                                                                                      | 4,0                                                  | 4,0                                             | 4,0                                        | 4,0                                       | 4,0                                                   |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                           | Công ty<br>Đấu giá<br>Hợp danh<br>Lam Sơn<br>Sài Gòn | Doanh<br>nghiệp<br>Đấu giá<br>Tư nhân<br>Đông Á | Công ty<br>Đấu giá<br>hợp danh<br>Đông Nam | Công ty<br>Đấu giá<br>Hợp danh<br>Gò Công | Công ty<br>Đấu giá<br>hợp danh<br>Bảo Tín<br>Trà Vinh |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|     | <i>giám sát việc tổ chức<br/>đấu giá hiệu quả;<br/>chống thông đồng,<br/>đìm giá, bảo đảm an<br/>toàn, an ninh trật tự<br/>của phiên đấu giá</i>   |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| IV  | Năng lực, kinh<br>nghiệm và uy tín<br>của tổ chức hành<br>nghề đấu giá tài sản                                                                     | 56,0                                                 | 50,0                                            | 55,0                                       | 50                                        | 50                                                    |
| 1.  | <i>Tổng số cuộc đấu<br/>giá đã tổ chức trong<br/>năm trước liền kề<br/>(bao gồm cả cuộc<br/>đấu giá thành và<br/>cuộc đấu giá không<br/>thành)</i> | 15,0                                                 | 15,0                                            | 15,0                                       | 15,0                                      | 14,0                                                  |
| 1.1 | <i>Dưới 20 cuộc đấu<br/>giá</i>                                                                                                                    |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 1.2 | <i>Từ 20 cuộc đấu giá<br/>đến dưới 40 cuộc đấu<br/>giá</i>                                                                                         |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 1.3 | <i>Từ 40 cuộc đấu giá<br/>đến dưới 70 cuộc đấu<br/>giá</i>                                                                                         |                                                      |                                                 |                                            |                                           | 14,0                                                  |
| 1.4 | <i>Từ 70 cuộc đấu giá<br/>trở lên</i>                                                                                                              | 15,0                                                 | 15,0                                            | 15,0                                       | 15,0                                      |                                                       |
| 2.  | <i>Tổng số cuộc đấu<br/>giá thành trong năm<br/>trước liền kề</i>                                                                                  | 7,0                                                  | 7,0                                             | 7,0                                        | 7,0                                       | 7,0                                                   |
| 2.1 | <i>Dưới 10 cuộc đấu<br/>giá thành (bao gồm<br/>cả trường hợp không<br/>có cuộc đấu giá<br/>thành nào)</i>                                          |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 2.2 | <i>Từ 10 cuộc đấu giá<br/>thành đến dưới 30<br/>cuộc đấu giá thành</i>                                                                             |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 2.3 | <i>Từ 30 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                          |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                     | Công ty<br>Đấu giá<br>Hợp danh<br>Lam Sơn<br>Sài Gòn | Doanh<br>nghiệp<br>Đấu giá<br>Tư nhân<br>Đông Á | Công ty<br>Đấu giá<br>hợp danh<br>Đông Nam | Công ty<br>Đấu giá<br>Hợp danh<br>Gò Công | Công ty<br>Đấu giá<br>hợp danh<br>Bảo Tín<br>Trà Vinh |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|     | <i>thành đến dưới 50<br/>cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                                              |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 2.4 | <i>Từ 50 cuộc đấu giá<br/>thành trở lên</i>                                                                                                                                  | 7,0                                                  | 7,0                                             | 7,0                                        | 7,0                                       | 7,0                                                   |
| 3.  | <b>Tổng số cuộc đấu<br/>giá thành có chênh<br/>lệch giữa giá trúng<br/>so với giá khởi điểm<br/>trong năm trước liền<br/>kề</b>                                              | 7,0                                                  | 7,0                                             | 7,0                                        | 7,0                                       | 7,0                                                   |
| 3.1 | <i>Dưới 10 cuộc (bao<br/>gồm cả trường hợp<br/>không có chênh lệch)</i>                                                                                                      |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 3.2 | <i>Từ 10 cuộc đến dưới<br/>30 cuộc</i>                                                                                                                                       |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 3.3 | <i>Từ 30 cuộc đến dưới<br/>50 cuộc</i>                                                                                                                                       |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 3.4 | <i>Từ 50 cuộc trở lên</i>                                                                                                                                                    | 7,0                                                  | 7,0                                             | 7,0                                        | 7,0                                       | 7,0                                                   |
| 4.  | <b>Tổng số cuộc đấu<br/>giá thành trong năm<br/>trước liền kề có mức<br/>chênh lệch từ 10%<br/>trở lên</b>                                                                   | 2,0                                                  | 1,0                                             | 3,0                                        | 1,0                                       | 1,0                                                   |
| 4.1 | <i>Tổ chức hành nghề<br/>đấu giá tài sản có<br/>tổng số cuộc đấu giá<br/>thành trong năm<br/>trước liền kề có mức<br/>chênh lệch từ 10%<br/>trở lên nhiều nhất</i>           |                                                      |                                                 | 3,0                                        |                                           |                                                       |
| 4.2 | <i>Tổ chức hành nghề<br/>đấu giá tài sản có<br/>tổng số cuộc đấu giá<br/>thành trong năm<br/>trước liền kề có mức<br/>chênh lệch từ 10%<br/>trở lên thấp hơn liền<br/>kề</i> | 2,0                                                  |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 4.3 | <i>Tổ chức hành nghề</i>                                                                                                                                                     |                                                      | 1,0                                             |                                            | 1,0                                       | 1,0                                                   |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                 | Công ty<br>Đấu giá<br>Hợp danh<br>Lam Sơn<br>Sài Gòn | Doanh<br>nghiệp<br>Đấu giá<br>Tư nhân<br>Đông Á | Công ty<br>Đấu giá<br>hợp danh<br>Đông Nam | Công ty<br>Đấu giá<br>Hợp danh<br>Gò Công | Công ty<br>Đấu giá<br>hợp danh<br>Bảo Tín<br>Trà Vinh |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|     | <i>đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo</i> |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 5.  | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động</b> | 7,0                                                  | 5,0                                             | 5,0                                        | 5,0                                       | 5,0                                                   |
| 5.1 | <i>Có thời gian hoạt động dưới 5 năm</i>                                                                                                 |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 5.2 | <i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>                                                                                  |                                                      | 5,0                                             | 5,0                                        | 5,0                                       | 5,0                                                   |
| 5.3 | <i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>                                                                                  |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 5.4 | <i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>                                                                                          | 7,0                                                  |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 6.  | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                       | 4,0                                                  | 3,0                                             | 4,0                                        | 3,0                                       | 3,0                                                   |
| 6.1 | <i>01 đấu giá viên</i>                                                                                                                   |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 6.2 | <i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>                                                                                                    |                                                      | 3,0                                             |                                            | 3,0                                       | 3,0                                                   |
| 6.3 | <i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>                                                                                                        | 4,0                                                  |                                                 | 4,0                                        |                                           |                                                       |
| 7.  | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản,</b>                                             | 4,0                                                  | 3,0                                             | 4,0                                        | 3,0                                       | 4,0                                                   |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                     | Công ty<br>Đấu giá<br>Hợp danh<br>Lam Sơn<br>Sài Gòn | Doanh<br>nghiệp<br>Đấu giá<br>Tư nhân<br>Đông Á | Công ty<br>Đấu giá<br>hợp danh<br>Đông Nam | Công ty<br>Đấu giá<br>Hợp danh<br>Gò Công | Công ty<br>Đấu giá<br>hợp danh<br>Bảo Tín<br>Trà Vinh |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|     | <b>Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân</b>                                                                       |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 7.1 | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                  |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 7.2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                    |                                                      | 3,0                                             |                                            | 3,0                                       |                                                       |
| 7.3 | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                            | 4,0                                                  |                                                 | 4,0                                        |                                           | 4,0                                                   |
| 8.  | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b>                                                                                                                                | <b>5,0</b>                                           | <b>4,0</b>                                      | <b>5,0</b>                                 | <b>4,0</b>                                | <b>4,0</b>                                            |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                               |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 8.2 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                        |                                                      | 4,0                                             |                                            | 4,0                                       | 4,0                                                   |
| 8.3 | Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                       | 5,0                                                  |                                                 | 5,0                                        |                                           |                                                       |
| 9.  | <b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, trừ thuế giá trị gia tăng</b> | <b>5,0</b>                                           | <b>5,0</b>                                      | <b>5,0</b>                                 | <b>5,0</b>                                | <b>5,0</b>                                            |
| 9.1 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                           |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 9.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                     |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| 9.3 | Từ 100 triệu đồng trở                                                                                                                                                        | 5,0                                                  | 5,0                                             | 5,0                                        | 5,0                                       | 5,0                                                   |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Công ty<br>Đấu giá<br>Hợp danh<br>Lam Sơn<br>Sài Gòn | Doanh<br>nghiệp<br>Đấu giá<br>Tư nhân<br>Đông Á | Công ty<br>Đấu giá<br>hợp danh<br>Đông Nam | Công ty<br>Đấu giá<br>Hợp danh<br>Gò Công | Công ty<br>Đấu giá<br>hợp danh<br>Bảo Tín<br>Trà Vinh |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|     | <i>lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
| V   | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>3,0</b>                                           | <b>6,0</b>                                      | <b>3,0</b>                                 | <b>8,0</b>                                | <b>6,0</b>                                            |
| 1.  | <p>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá</p> <p>- Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản</p> <p>- Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)</p> | <b>3,0</b>                                           | <b>3,0</b>                                      | <b>3,0</b>                                 | <b>3,0</b>                                | <b>3,0</b>                                            |
| 1.1 | Dưới 10 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                      |                                                 |                                            |                                           |                                                       |
|     | Từ 10 hợp đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>3,0</b>                                           | <b>3,0</b>                                      | <b>3,0</b>                                 | <b>3,0</b>                                | <b>3,0</b>                                            |
| 2.  | Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>0,0</b>                                           | <b>3,0</b>                                      | <b>0,0</b>                                 | <b>3,0</b>                                | <b>3,0</b>                                            |

| TT | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Công ty<br>Đấu giá<br>Hợp danh<br>Lam Sơn<br>Sài Gòn | Doanh<br>nghiệp<br>Đấu giá<br>Tư nhân<br>Đông Á | Công ty<br>Đấu giá<br>hợp danh<br>Đông Nam | Công ty<br>Đấu giá<br>Hợp danh<br>Gò Công | Công ty<br>Đấu giá<br>hợp danh<br>Bảo Tín<br>Trà Vinh |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 3. | Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh. | 0,0                                                  | 0,0                                             | 0,0                                        | 2,0                                       | 0,0                                                   |
|    | <b>Tổng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>93</b>                                            | <b>90</b>                                       | <b>93</b>                                  | <b>92</b>                                 | <b>91</b>                                             |

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy trân trọng thông báo đến các Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được biết./.

**Nơi nhận:**

- Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;
- Phó Giám đốc (để biết);
- Phòng CNTT (để đăng tin);
- Bảng thông báo nội bộ;
- Lưu: VT, HCQT (Nhưng).

**Q. GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP  
BỆNH VIỆN ĐKKV CAI LẬY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cai Lậy, ngày 11 tháng 02 năm 2026

### DANH MỤC TÀI SẢN BÁN THANH LÝ

(Kèm theo Thông báo số 317/TB-BVĐKCL ngày 11/02/2026)

| STT       | Tên tài sản                                                                               | ĐVT | Số lượng | Chất lượng của tài sản      |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|-----------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Gói số 1: “Bán thanh lý Bóng phát tia X thuộc “Hệ thống máy CT Scanner 32 lát cắt”</b> |     |          |                             |
| 1.        | Bóng phát tia X thuộc “Hệ thống máy CT Scanner 32 lát cắt”                                | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| <b>II</b> | <b>Gói số 2: “Bán thanh lý lô tài sản”</b>                                                |     |          |                             |
| 1.        | Monitor 6 thông số (hiệu: Votem)                                                          | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 2.        | Monitor 6 thông số Votem                                                                  | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 3.        | Monitor 6 thông số + ETCO2 (model Omni III)                                               | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 4.        | Máy sinh hóa bán tự động BTS350                                                           | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 5.        | Máy thở CPAP                                                                              | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 6.        | Máy giúp thở CPAP (model REMstar)                                                         | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 7.        | Máy phun dịch khử trùng phòng mổ                                                          | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 8.        | Đèn chiếu vàng da V3000                                                                   | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 9.        | Tủ an toàn sinh học                                                                       | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 10.       | Máy đo điện tim 6 cần                                                                     | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 11.       | Bộ đèn đặt nội khí quản Heine                                                             | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 12.       | Máy truyền dịch tự động TE-135                                                            | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |

| STT | Tên tài sản                                                   | ĐVT | Số lượng | Chất lượng của tài sản      |
|-----|---------------------------------------------------------------|-----|----------|-----------------------------|
| 13. | Máy quay li tâm                                               | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 14. | Máy truyền dịch tự động TE-112                                | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 15. | Máy đo SPO2 cầm tay Nonin                                     | Máy | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 16. | Máy bơm tiêm tự động TE-331                                   | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 17. | Máy bơm tiêm tự động TE-331                                   | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 18. | Máy điện tim 1 cần (ECG 1100, Newtech)                        | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 19. | Máy đo điện tim 1 cần (model ECG 1100- Newtech)               | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 20. | Máy chiếu Sony + màn chiếu Apollo                             | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 21. | Bộ đèn đặt nội khí quản NL (model Ri-Intergral Macintosh F.O) | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 22. | Ruột kéo mini Metzaenbaun                                     | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 23. | Tivi Sony 43 inch (model KDL-43W800C)                         | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 24. | Máy vi tính để bàn (hiệu FPT)                                 | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 25. | Máy đo SPO2 cầm tay Nonin                                     | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 26. | Máy đo độ bão hòa Oxy                                         | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 27. | Bộ xylanh                                                     | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 28. | Máy điều hòa nhiệt độ Hitachi 2 HP                            | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 29. | Máy đo nồng độ bão hòa Oxy trong máu dạng cầm tay AH-MX       | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 30. | Máy điều hòa nhiệt độ 2.0 HP (model: RC18-DB, hiệu Retech)    | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 31. | Bộ đặt nội khí quản (model: Mancintosh C)                     | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |

| STT | Tên tài sản                          | ĐVT | Số lượng | Chất lượng của tài sản      |
|-----|--------------------------------------|-----|----------|-----------------------------|
| 32. | Máy vi tính để bàn (hiệu FPT)        | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 33. | Máy vi tính để bàn (hiệu FPT)        | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 34. | Máy nước uống nóng lạnh Karofi       | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 35. | Dàn tạ đa năng (Kensport)            | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 36. | Máy vi tính để bàn (hiệu VTB)        | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 37. | Máy vi tính để bàn (hiệu VTB)        | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 38. | Máy vi tính để bàn (hiệu VTB)        | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 39. | Máy vi tính để bàn (hiệu VTB)        | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 40. | Máy vi tính để bàn (hiệu VTB)        | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 41. | Máy vi tính để bàn (hiệu VTB)        | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 42. | Máy vi tính để bàn hiệu VTB          | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 43. | Máy vi tính để bàn hiệu VTB          | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 44. | Máy vi tính để bàn hiệu VTB          | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 45. | Máy vi tính để bàn (hiệu FPT Elead)  | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 46. | Máy vi tính để bàn (hiệu FPT Elead)  | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 47. | Máy vi tính để bàn (hiệu FPT Elead)  | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 48. | Tivi Samsung 40 inch, phiên bản DA01 | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 49. | Máy vi tính để bàn                   | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 50. | Máy vi tính để bàn                   | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 51. | Máy vi tính để bàn (hiệu Sing PC)    | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 52. | Giường inox 3 tay quay có            | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |

| STT | Tên tài sản                                                 | ĐVT | Số lượng | Chất lượng của tài sản      |
|-----|-------------------------------------------------------------|-----|----------|-----------------------------|
|     | bánh xe                                                     |     |          | dùng được                   |
| 53. | Máy camera (model 552BP)                                    | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 54. | Máy camera (model 552BP)                                    | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 55. | Máy vi tính để bàn (hiệu FPT)                               | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 56. | Máy vi tính để bàn (hiệu Sing PC)                           | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 57. | Máy điều hòa nhiệt độ Daikin 1Hp (model FTE 25 LV1V)        | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 58. | Máy in laser (hiệu HP P2015d)                               | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 59. | Máy in màu                                                  | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 60. | Máy nước uống nóng lạnh Asanzo                              | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 61. | Máy nước uống nóng lạnh Asanzo                              | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 62. | Máy nước uống nóng lạnh Asanzo                              | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 63. | Máy nước uống nóng lạnh Asanzo                              | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 64. | Máy nước uống nóng lạnh Asanzo                              | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 65. | Máy nước uống nóng lạnh Asanzo                              | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 66. | Máy nước uống nóng lạnh Asanzo                              | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 67. | Máy nước uống nóng lạnh Asanzo                              | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 68. | Máy nén khí Shark (50 lít)                                  | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 69. | Máy điều hòa nhiệt độ Reetech 1.5 HP, model RT/RC-12-DE-A   | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 70. | Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP (model RC-12-DB, hiệu Reetech) | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 71. | Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP (model RC12-DB hiệu            | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |

| STT | Tên tài sản                                                  | ĐVT | Số lượng | Chất lượng của tài sản      |
|-----|--------------------------------------------------------------|-----|----------|-----------------------------|
|     | Reetech)                                                     |     |          |                             |
| 72. | Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP (model RC12-DB, hiệu Reetech)   | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 73. | Máy điều hòa nhiệt độ 1.5 HP (model RC12-DB, hiệu Reteetech) | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 74. | Máy in Laser HP Jetpro 400                                   | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 75. | Gu gập xương (Stille luer 23cm)                              | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 76. | Máy hút nhớt                                                 | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 77. | Máy in laser Hp Pro M401d                                    | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 78. | Thùng rác có bánh xe (mã số FPL 660)                         | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 79. | Máy in 2 mặt Hp M402DN                                       | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 80. | Camera quan sát (model AVM2452P, hiệu AVTech                 | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 81. | Đồng hồ đo bước sóng                                         | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 82. | Máy truyền dịch tự động TE-112                               | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 83. | Monitor màu 7 thông số (H5N1) BSM-4101K                      | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 84. | Máy điều hòa nhiệt độ ( hiệu Panasonic/2 cục )               | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 85. | Ambu TE                                                      | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 86. | Amly 018 KAVAWOA                                             | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 87. | Bàn vi tính (60x120x80)cm                                    | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 88. | Bàn vi tính (Meca)                                           | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 89. | Bàn vi tính (Meca)                                           | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 90. | Bàn vi tính (Meca)                                           | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |

| STT  | Tên tài sản                                             | ĐVT | Số lượng | Chất lượng của tài sản      |
|------|---------------------------------------------------------|-----|----------|-----------------------------|
|      |                                                         |     |          | dùng được                   |
| 91.  | Bàn vi tính (Meca)                                      | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 92.  | Bàn vi tính okal                                        | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 93.  | Băng chờ (màu xanh)                                     | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 94.  | Đầu oxy                                                 | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 95.  | Đầu oxy                                                 | Cái | 2        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 96.  | Đầu oxy                                                 | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 97.  | Đầu oxy                                                 | Cái | 2        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 98.  | Dây + tấm Plate dùng cho máy Bowa ( YZ 026/63)          | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 99.  | Dây + tấm Plate dùng cho máy đốt Electromom (YZ 026/64) | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 100. | Dây + tay dao đốt điện (XR 804/01)                      | Bộ  | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 101. | Đồng hồ oxy Sharp                                       | Cái | 3        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 102. | Đồng hồ oxy Sharp                                       | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 103. | Dụng cụ tập đa năng                                     | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 104. | Dụng cụ tập leo núi                                     | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 105. | Dụng cụ tập toàn thân                                   | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 106. | Ghế inox bọc mouse                                      | Cái | 6        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 107. | Ghế xoay                                                | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 108. | Ghế xoay mặt nệm                                        | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 109. | Ghế xoay mặt nệm                                        | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 110. | Ghế xoay mặt nệm                                        | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |

| STT  | Tên tài sản                                             | ĐVT | Số lượng | Chất lượng của tài sản      |
|------|---------------------------------------------------------|-----|----------|-----------------------------|
| 111. | Kelly Maryland nội soi (XM 160/32K)                     | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 112. | Kềm cắt đỉnh                                            | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 113. | Kềm kẹp cầm máu (F1500)                                 | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 114. | Kéo cắt chỉ nội soi (XM 134/32KS)                       | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 115. | Kéo phẫu tích Metzenbaun nội soi ( XM 139/32K)          | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 116. | Kẹp nội soi tổng quát đầu dạng răng cá sấu (XM 208/32K) | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 117. | Máy châm cứu 6 cọc                                      | Cái | 5        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 118. | Máy châm cứu 6 cọc (Great wall)                         | Cái | 4        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 119. | Máy điện châm                                           | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 120. | Máy điện châm                                           | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 121. | Máy đo HEMATORIC                                        | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 122. | Máy đo nồng độ cồn                                      | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 123. | Máy ghi âm Sony                                         | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 124. | Máy hút dịch 1 bình (Thomas)                            | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 125. | Máy huyết áp Omron                                      | Cái | 2        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 126. | Máy in Cannon 2900                                      | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 127. | Máy in Epson L210                                       | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 128. | Máy in EPSON TM- T81                                    | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 129. | Máy in kim Epson LQ 300                                 | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 130. | Máy in laser Cannon LBP 2900                            | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 131. | Máy in laser Cannon LBP 2900                            | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |

| STT  | Tên tài sản                              | ĐVT | Số lượng | Chất lượng của tài sản      |
|------|------------------------------------------|-----|----------|-----------------------------|
|      |                                          |     |          | dùng được                   |
| 132. | Máy in laser Cannon LBP 3300             | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 133. | Máy in laser CANON 2900                  | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 134. | Máy in laser CANON 2900                  | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 135. | Máy in laser CANON 2900                  | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 136. | Máy in laser CANON 2900                  | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 137. | Máy in laser CANON 2900                  | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 138. | Máy in laser CANON 2900                  | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 139. | Máy in laser CANON 2900                  | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 140. | Máy in laser CANON 3000                  | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 141. | Máy in laser HP Pro P1102                | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 142. | Máy in laser HP Pro P1102                | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 143. | Máy in màu Epson L310                    | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 144. | Máy in phun Canon                        | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 145. | Máy Masa đứng Tài Phát                   | Cái | 2        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 146. | Máy massage cầm tay (Beurer)             | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 147. | Máy nóng lạnh Alas (Alaska)              | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 148. | Máy phun khí dung                        | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 149. | Máy phun khí dung Omron                  | Cái | 3        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 150. | Máy phun khí dung Omron (Model: NE C900) | Cái | 5        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 151. | Máy phun sương HAWIN                     | Cái | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |

| STT  | Tên tài sản                          | ĐVT   | Số lượng | Chất lượng của tài sản      |
|------|--------------------------------------|-------|----------|-----------------------------|
| 152. | Máy Scanner (hiệu: HP 4370C)         | Cái   | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 153. | Máy xông khí dung Cami               | Cái   | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 154. | Máy xông khí dung Cami               | Cái   | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 155. | Máy xông khí dung Philips            | Cái   | 2        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 156. | Micro dây                            | Cái   | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 157. | Ổ cứng đi động Western Digital (4Tb) | Cái   | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 158. | Ổ đĩa cứng                           | Cái   | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 159. | Thang nhôm                           | Cái   | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 160. | Tích điện 500VA                      | Cái   | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 161. | Tủ lạnh (hiệu SANYO)                 | Cái   | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 162. | Tủ lạnh (hiệu SANYO)                 | Cái   | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 163. | Tủ quần áo (gỗ)                      | Cái   | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 164. | Xe đạp tại chỗ                       | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 165. | Xe đạp tại chỗ                       | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 166. | Xe đẩy bệnh nằm (inox)               | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 167. | Xe đẩy bệnh nằm (inox)               | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 168. | Xe đẩy bệnh ngồi                     | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 169. | Xe đẩy bệnh ngồi                     | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 170. | Xe đẩy bệnh ngồi                     | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 171. | Xe đẩy bệnh ngồi                     | Chiếc | 2        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 172. | Xe đẩy bệnh ngồi                     | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |

| STT  | Tên tài sản                   | ĐVT   | Số lượng | Chất lượng của tài sản      |
|------|-------------------------------|-------|----------|-----------------------------|
|      |                               |       |          | dùng được                   |
| 173. | Xe đẩy bệnh ngời              | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 174. | Xe đẩy bệnh ngời              | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 175. | Xe đẩy bệnh ngời              | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 176. | Xe đẩy bệnh ngời              | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 177. | Xe đẩy bệnh ngời              | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 178. | Xe đẩy bệnh ngời              | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 179. | Xe đẩy bệnh ngời              | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 180. | Xe đẩy bệnh ngời              | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 181. | Xe đẩy bệnh ngời              | Chiếc | 3        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 182. | Xe đẩy bệnh ngời              | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 183. | Xe đẩy bệnh ngời              | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 184. | Xe đẩy bệnh ngời              | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 185. | Xe đẩy bệnh ngời              | Chiếc | 2        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 186. | Xe đẩy bệnh ngời              | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 187. | Xe đẩy bệnh ngời (110*53*87)  | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 188. | Xe đẩy bệnh nhân ngời         | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 189. | Xe đẩy bệnh nhân ngời         | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 190. | Xe đẩy DC Inox                | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 191. | Xe đẩy DC inox (0.9*0.5*0.9)m | Chiếc | 1        | Hư hỏng, không sử dụng được |
| 192. | Xe đẩy DC inox (0.9*0.5*0.9)m | Chiếc | 2        | Hư hỏng, không sử dụng được |

| <b>STT</b> | <b>Tên tài sản</b>                  | <b>ĐVT</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Chất lượng của tài sản</b> |
|------------|-------------------------------------|------------|-----------------|-------------------------------|
| 193.       | Xe đẩy dcụ inox 1 ngăn (50x70x85)cm | Chiếc      | 1               | Hư hỏng, không sử dụng được   |
| 194.       | Xe đẩy dcụ inox 2 ngăn (50x60x85)cm | Chiếc      | 1               | Hư hỏng, không sử dụng được   |
| 195.       | Xe đẩy dụng cụ 2 tầng               | Chiếc      | 1               | Hư hỏng, không sử dụng được   |
| 196.       | Xe đẩy dụng cụ inox                 | Chiếc      | 1               | Hư hỏng, không sử dụng được   |
| 197.       | Xe rửa                              | Chiếc      | 1               | Hư hỏng, không sử dụng được   |
| 198.       | Xe tiêm chích                       | Chiếc      | 1               | Hư hỏng, không sử dụng được   |